

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28-6-2023

V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN - TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khiếu

Ông Hoàng Đình Văn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái** tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Tầm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 140/2023/TLST-HNGĐ ngày 15-5-2023 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị **Triệu Thị H** – sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Năn K, xã Phan T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

- **Bị đơn:** anh **Lương Văn N** – sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Năn K, xã Phan T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15-5-2023, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Triệu Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Lương Văn N về chung sống với nhau tự nguyện vào năm 2009, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do thường

xuyên cãi chửi nhau, không hòa hợp ... dẫn đến sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh N có 02 con tên là Lương Ngọc A, sinh ngày 16-10-2010 và Lương Quốc H, sinh ngày 13-11-2015, hiện đang ở cùng anh N. Sau khi ly hôn, chị có yêu cầu anh N trực tiếp nuôi cả hai con, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai anh Lương Văn N trình bày: Về thời gian, địa điểm, điều kiện về chung sống như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống thực tế có mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H có yêu cầu ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý.

Về con chung: anh và chị H có 02 con chung như chị H trình bày. Sau khi ly hôn, anh có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đây là vụ án dân sự thuộc trường hợp không được hòa giải theo khoản 2 Điều 206 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị H và anh Lương Văn N.

Về con chung: Giao con chung Lương Ngọc A, Lương Quốc H cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị Triệu Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật số tiền: 300.000^d (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: chị Triệu Thị H và anh Lương Văn N về chung sống với nhau tự nguyện năm 2009, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn, phù hợp với nội dung Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Phan T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Vì vậy hôn nhân giữa chị H và anh N là không hợp pháp vì không tuân thủ các quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Qua lời khai của các đương sự thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân, không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân.

Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định “*trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*”

Như vậy, chị H và anh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 không có đăng ký kết hôn. Đối chiếu với Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị H và anh N có 02 con tên là Lương Ngọc A, sinh ngày 16-10-2010 và Lương Quốc H, sinh ngày 13-11-2015. Hiện các con đang ở cùng bố đẻ sinh sống và học tập ổn định, tại lời khai các đương sự đều có yêu cầu anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng. Hai con có nguyện vọng ở cùng bố.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao hai con chung cho anh Lương Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp. Nguyên đơn không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: chị Triệu Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, 15, Điều 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;
Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228,
271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị H và anh Lương Văn N.

2. *Về con chung*: giao cho anh Lương Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Lương Ngọc A, sinh ngày 16-10-2010 và Lương Quốc H, sinh ngày 13-11-2015 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: chị Triệu Thị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0003560 ngày 15-05-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trở đồng hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh